

Số: **962/QĐ-TCHQ**

Hà Nội, ngày **06 tháng 4 năm 2015**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 83/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định quy trình thẩm tra Quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-TCHQ ngày 01/10/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-TCHQ ngày 01/08/2007 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn - Cục Hải quan tỉnh Bình Định; Quyết định số 1413/QĐ-TCHQ ngày 20/06/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng Công trình cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn - Cục Hải quan tỉnh Bình Định;

Căn cứ Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn - Cục Hải quan tỉnh Bình Định; Báo cáo kiểm toán số 1306/BCKT-AAC ngày 24/12/2012 do Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

Căn cứ Báo cáo thẩm định, thẩm tra số 2824/BC-TCHQ ngày 01/4/2015 của Vụ Tài vụ quản trị về việc quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình Cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn, Cục Hải quan tỉnh Bình Định;

Xét tờ trình số 1371/TTr-HQBD ngày 28/12/2012 của Cục Hải quan tỉnh Bình Định đề nghị phê duyệt quyết toán vốn hoàn thành công trình cải tạo mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn của Cục Hải quan tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quyết toán Công trình cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn; công văn số 248/HQBD-VP ngày 17/3/2015 của Cục Hải quan tỉnh Bình Định về việc báo cáo nội dung tồn tại của dự án;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Cải tạo, mở rộng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn;
- Chủ đầu tư: Cục Hải quan tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: 01 Phan Chu Trinh, TP Quy nhơn, Tỉnh Bình Định;
- Thời gian khởi công: năm 2009;
- Thời gian hoàn thành: năm 2012.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	TMĐT được duyệt theo QĐ 1413/QĐ-TCHQ ngày 20/6/2008	Thực hiện		
		Tổng số	Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5
Cộng	17.125.104.862	16.682.274.981	15.216.680.000	1.456.400.981
- Vốn Ngân sách tập trung			5.455.000.000	

- Vốn khác: Nguồn khoán kinh phí hoạt động của ngành HQ			9.761.680.000	
---	--	--	---------------	--

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Quyết định số 250/Q Đ-HQBD ngày 17/10/2012	Chi phí chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Kết quả thẩm tra chi phí đầu tư được quyết toán	Chênh lệch giữa số CĐT trình và thẩm tra
	Tổng cộng (I+II+III+...+VII)	17.123.390.839	16.750.281.930	16.682.274.298	-68.006.949
I	Chi phí xây dựng	13.937.565.883	13.006.276.314	12.959.293.685	-46.982.629
1	Xây dựng công trình	13,030,941,977	12,368,913,866	12,321,931,237	-46,982,629
1.1	Hợp đồng kí	11,835,216,000	11,474,558,268	11,474,558,268	
1.2	Phát sinh giảm khối lượng trong hợp đồng	-799,713,023	-799,713,023	-799,713,023	
1.3	phát sinh tăng khối lượng ngoài hợp đồng	411,611,000	366,821,000	334,854,724	-31,966,276
1.3.1	<i>Giá trị phần bổ sung</i>		366,821,000	366,821,000	
1.3.2	<i>Khối lượng phát sinh bổ sung giảm trừ máy bơm cứu hỏa</i>			-31,966,276	-31,966,276
1.4	Kiểm toán cắt giảm khối lượng		-189,439,379	-189,439,379	
1.5	Bù nhân công ca máy 1/1/2011-1/11/2011	286,984,000	282,731,000	279,931,822	-2,799,178
1.5.1	<i>Cải tạo mở rộng nhà làm việc</i>		271,396,000	268,709,135	-2.686.865
1.5.2	<i>Khối lượng phụ trợ</i>		11,335,000	11,222,687	-112.313
1.6	Bù nhân công ca máy 1/11/2011-hết công trình	1,296,844,000	1,233,956,000	1,221,738,825	-12,217,175
1.6.1	<i>Cải tạo mở rộng nhà làm việc</i>		761,050,000	753,514,619	-7,535,381
1.6.2	<i>Cải tạo nhà làm việc cũ</i>		125,748,000	124,503,103	-1,244,897
1.6.3	<i>Cấp điện chiếu sáng+ HT điều hòa</i>		117,356,000	116,193,774	-1,162,226
1.6.4	<i>Bê tông bồn hoa</i>		58,539,000	57,959,088	-579,912
1.6.5	<i>Cổng tường rào</i>		114,634,000	113,499,557	-1,134,443
1.6.6	<i>Nhà phụ trợ</i>		56,629,000	56,068,684	-560,316
2	Chống mối	142,651,117	136,167,000	136,167,000	0
3	Xây dựng hệ thống cáp ngầm 22/0,4kv và biến áp treo 100kVA-22/0,4kv	417,472,789	154,695,448	154,695,448	0
4	HT mạng tin học và HT mạng tin học và HT tổng đài điện thoại	346,500,000	346,500,000	346,500,000	0
	II. Chi phí thiết bị	910,385,000	1,533,820,096	1,533,820,096	0
1	Thiết bị (gói thầu xây lắp)		360,657,755	360,657,755	0

2	Thiết bị hệ thống cáp ngầm 22/0,4kv và biến áp treo 100kVA-22/0,4kV		262,777,341	262,777,341	
3	Trang thiết bị đồ gỗ cho công trình	391,885,000	391,885,000	391,885,000	
4	Thang Máy	488,500,000	488,500,000	488,500,000	
5	Cây xanh	30,000,000	30,000,000	30,000,000	
III	Đền bù giải phóng mặt bằng	797,571,000	797,571,000	797,571,000	
IV	Chi phí quản lý dự án	268,897,505	268,897,505	268,897,505	
V	Chi phí tư vấn đầu tư XD	985,257,675	949,872,565	935.084.289	-14.788.286
1	Chi phí khảo sát địa chất địa hình	61,153,373	61,153,373	61,153,373	
2	Chi phí lập dự án đầu tư	65,379,814	65,379,814	65,379,814	
3	Chi phí thi tuyển thiết kế	3,260,000	3,260,000	3,260,000	
4	Chi phí thiết kế	403,793,181	368,408,071	368,408,071	
4.1	Chi phí thiết kế kỹ thuật phân xây lắp chính và các hạng mục phụ trợ	384,002,473	351,006,521	351,006,521	
4.2	Chi phí thiết kế chống mối	3,680,399	3,680,399	3,680,399	
4.3	Chi phí thiết kế mạng tin học, hệ thống tổng đài điện thoại	3,827,878	3,827,878	3,827,878	
4.4	Chi phí thiết kế cáp ngầm và trạm biến áp	9,513,431	7,124,273	7,124,273	
4.5	Chi phí thiết kế đồ gỗ	2769000	2,769,000	2,769,000	
5	Chi phí thẩm tra	39,646,925	39,646,925	39,646,925	
5.1	Chi phí thẩm tra bản vẽ thiết kế thi công và dự toán phần nhà làm việc chính	34,561,286	34,561,286	34,561,286	
5.2	Chi phí thẩm tra bản vẽ thiết kế thi công và dự toán hệ thống cáp ngầm 22 kv và trạm biến áp 100KVA	3,085,639	3,085,639	3,085,639	0
5.3	Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán phần đồ gỗ	2,000,000	2,000,000	2,000,000	0
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu	36,419,540	36,419,540	36,419,540	0
7	Chi phí giám sát	284,083,842	284,083,842	269.295.266	-14.788.276
8	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	91,521,000	91,521,000	91,521,000	0
VI	Chi phí khác	188,023,133	193,844,450	192,555,723	-1,288,727
1	Lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở	1,714,000	1,714,000	1,714,000	0
2	Chi phí thẩm định dự án	2,266,000	2,266,000	2,266,000	0
3	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu	1,288,727	1,288,727		-1,288,727
4	Chi phí bảo hiểm	29,588,040	29,588,040	29,588,040	0
5	Chi phí thẩm định giá (02 lần hệ thống mạng tin học, hệ thống điện thoại và máy bơm cứu hỏa, kim thu sét, máy	5,677,366	5,677,366	5,677,366	0

	bơm nước sinh hoạt)				
6	Chi phí ép tính cọc	55,646,000	55,646,000	55,646,000	
7	Chi phí kiểm toán	76,472,000	76,472,000	71.947.000	-4.525.000
8	Chi phí thẩm tra quyết toán hoàn thành	17,085,000	21,192,317	20.770.000	-422.317
VII	Chi phí dự phòng	35,690,643	0	0	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: **0, đ**

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Công trình thuộc Chủ đầu tư quản lý	
		Thực tế	Giá quy đổi
1	2	3	4
Tổng số			
1	Tài sản cố định	16.682.274.981	16.682.274.981
2	Tài sản lưu động	0	0

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	16.682.274.981	
- Vốn Ngân sách tập trung	5.455.000.000	
- Vốn khác: Nguồn khoán kinh phí hoạt động của ngành Hải quan	11.227.274.981	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)	Chi tiết theo nguồn vốn
1	2	3	4
Cục Hải quan tỉnh Bình Định	16.682.274.981	0	Ngân sách nhà nước: 16.682.274.981

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán này, Cục Hải quan tỉnh Bình Định có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu để thanh lý các hợp đồng, thanh toán và hạch toán kế toán theo quy định của Nhà nước.

- Căn cứ vào Phụ lục tình hình thanh toán và công nợ dự án (Phụ lục kèm theo), Cục Hải quan tỉnh Bình Định có trách nhiệm:

+ Trả cho các đơn vị liên quan số công nợ còn phải trả là: 1.465.594.981 đồng;

+ Báo cáo Tổng cục Hải quan để được cấp bổ sung số kinh phí còn thiếu là 1.456.400.981 đồng;

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Không.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bình Định, Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (2b);
- Tổng cục trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, TVQT (4b).

**KT. TÔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Việt Cường

Phụ lục

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ DỰ ÁN

Tên dự án: **CÀI TẠO MỞ RỘNG CHI CỤC HỌC CẢNG QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số **962/QĐ-TCHQ** Ngày **06** tháng **4** năm 2015 của Tổng cục Hải quan)

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày 31/12/2014		Ghi Chú
					Phải trả	Phải Thu	
1	Công ty cổ phần xây dựng – đầu tư và kinh doanh nhà Bình Định – Đắc Lắc	Thi công xây lắp các mạng mục chính phụ	12,682,589,292	11,456,230,000	1,226,359,292		Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 1.031.972.000đ sau khi đã nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt QT
2	Công ty TNHH TVTK.&XL Hưng thịnh	Hệ thống cáp ngầm 22/0.4KV và trạm biến áp treo 100kVA-22/0.4kV	417,472,789	417,472,000	789		
3	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sao Việt	Hệ thống mạng tin học và hệ thống tổng đài điện thoại nội bộ VOIP	346,500,000	346,500,000	-		
4	Doanh nghiệp tư nhân xí nghiệp Lâm nghiệp Thái Sơn	Hạng mục chống mối cho công trình	136,167,000	121,901,000	14,266,000		
5	Nhà thầu trúng thầu Cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất cao cấp Khanh Nguyên	Trang thiết bị, đồ gỗ cho công trình	391,885,000	391,885,000	-		
6	Công ty Cổ phần thang máy thiên nam	Thang máy tải trọng > 630 kg	488,500,000	488,500,000	-		
7	Cơ sở cây cảnh Đặng Công Minh	Toàn bộ cây cảnh cho công trình	30,000,000	30,000,000	-		
8	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Đại Nam	Giám sát thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị công trình	269,295,266	258,264,000	11,031,266		
9	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Bình định	Tư vấn quản lý dự án công trình	268,897,505	245,598,000	23,299,505		
10	Trung Tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng Bình Định	Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình	91,521,000	64,064,000	27,457,000		
11	Công ty BH ngân hàng đầu tư và PTVN-Chi nhánh Bình định	Bảo hiểm công trình	29,588,040	23,670,000	5,918,040		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày 31/12/2014		Ghi Chú
					Phải trả	Phải Thu	
12	Công ty TNHH MTV khảo sát và xây dựng tại Miền Trung	Khảo sát địa chất	61,153,373	55,037,000	6,116,373		
13	Công ty TNHH Đại thanh	Lập dự án đầu tư, thiết kế xây lắp chính	416,386,335	377,644,000	38,742,335		
14	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng ATT	Thẩm tra thiết kế dự toán phần XL chính	34,561,286	27,640,000	6,921,286		
15	Cục Hải quan Bình Định	Thi tuyển thiết kế	3,260,000	3,260,000	-		
16	Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng tín nghĩa	Lập HSMT và đánh giá HSDT	36,419,540	25,330,000	11,089,540		
17	Các hộ dân	Giải phóng mặt bằng	780,700,000	780,700,000	-		
18	Trung tâm phát triển quỹ đất	Giải phóng mặt bằng	16,871,000	16,871,000	-		
19	Công ty TNHH Lam Sơn	Thiết kế dự toán chống mối	3,680,399		3,680,399		
20	Công ty TNHH Gia Nguyễn	Thiết kế dự toán hệ thống mạng tin học	3,827,878		3,827,878		
21	Công ty CP thông tin và thẩm định giá Miền Nam	Thẩm định giá mạng tin học và điện thoại lần 1	5,677,366		5,677,366		
22	Công ty TNHH tư vấn thiết kế HBT	Thẩm tra thiết kế dự toán cấp ngầm và TBA	3,085,639		3,085,639		
23	Công ty TNHH tư vấn hội xây dựng	Thiết kế đồ gỗ	2,769,000		2,769,000		
24	Công ty TNHH tư vấn phát triển điện EDC	Thiết kế cấp ngầm và TBA	7,124,273		7,124,273		
25	Công ty TNHH thiết kế kiến trúc A&B	Thẩm tra đồ gỗ	2,000,000		2,000,000		
26	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Minh Trung	Ép cọc tĩnh	55,646,000	50,000,000	5,646,000		
27	Tổng cục Hải quan	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng	2,266,000		2,266,000		
28	Tổng cục Hải quan	thẩm tra phê duyệt quyết toán	20,770,000		20,770,000		
29	Sở xây dựng	Thẩm định thiết kế cơ sở	1,714,000	1,714,000	-		
30	Công ty TNHH kiểm toán và kế toán	Kiểm toán	71,947,000	34,400,000	37,547,000		
TỔNG CỘNG			16,682,274,981	15,216,680,000	1,465,594,981	-	

Handwritten signature